TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2019
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Doãn Đức – Cán bộ hưu trí
Bà Nguyễn Thị Nhạn – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2019/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Hoàng Duy T, sinh năm 1994.
Thường trú: 77/10/4, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Trương Ngọc D, sinh năm 1991.
Thường trú: 184C/1 (số mới 92/50), khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T và bà D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Đinh Hoàng Duy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Trương Ngọc D kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 05/01/2018.

Sau khi kết hôn, ông bà cùng về chung sống với cha mẹ ông T tại địa chỉ A3/37, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ chồng

chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng có nhiều bất đồng, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Nay ông T xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn với bà D.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Theo bản tự khai - Bị đơn bà Nguyễn Trương Ngọc D trình bày**:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T kết hôn đúng như ông T đã trình bày. Cuộc sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hòa giải, đoàn tụ, bà D xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với ông Đinh Hoàng Duy T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông Đinh Hoàng Duy T được ly hôn với bà Nguyễn Trương Ngọc D.

- Về quan hệ con chung: Ông T và bà D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Đinh Hoàng Duy T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Đinh Hoàng Duy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Trương Ngọc D; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ

vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Đinh Hoàng Duy T là nguyên đơn còn bà Nguyễn Trương Ngọc D là bị đơn trong vụ án.

- Theo Biên bản xác minh tại Công an phường T vào ngày 27/5/2019 và Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt ngày 21/6/2019 của bà D xác định hiện nay bà D có đăng ký thường trú và vẫn đang sinh sống tại địa chỉ 184C/1 (số mới 92/50), khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 21/6/2019, ông Đinh Hoàng Duy T và bà Nguyễn Trương Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà D tự nguyện kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 05/01/2018. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà cùng về chung sống với cha mẹ ông T tại địa chỉ A3/37, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng có nhiều bất đồng, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Nay ông T xác định tình cảm không còn nên ông xin ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng theo ông T và bà D trình bày ông bà chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân. Theo biên bản xác minh ngày 16/4/2019 tại tổ 6, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (là nơi ông T và D ở khi còn chung sống) xác nhận mâu thuẫn giữa ông T và bà D là có thật. Ông T yêu cầu ly hôn, bà D đồng ý ly hôn. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông Đinh Hoàng Duy T được ly hôn với bà Nguyễn Trương Ngọc D.

[3] Về con chung: Ông T và bà D trình bày quá trình chung sống ông bà không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà D trình bày quá trình chung sống ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đinh Hoàng Duy T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hoàng Duy T, ông Đinh Hoàng Duy T được ly hôn với bà Nguyễn Trương Ngọc D.

Về con chung: Ông T và bà D trình bày quá trình chung sống ông bà không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà D trình bày quá trình chung sống ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đinh Hoàng Duy T phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004002 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Đinh Hoàng Duy T và bà Nguyễn Trương Ngọc D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hoàng Phương